

THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số 1.2025



**HỘI NGHỊ TỔNG KẾT CÔNG TÁC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
NĂM 2024, TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ NĂM 2025**

**VÀ TRAO GIẢI CUỘC THI “KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO
TỈNH QUẢNG TRỊ” NĂM 2024, PHÁT ĐỘNG CUỘC THI “KHỞI
NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TỈNH QUẢNG TRỊ” NĂM 2025**

TRONG SỐ NÀY

TIN TỨC - SỰ KIỆN

01

Hội nghị tổng kết công tác khoa học và công nghệ năm 2024, triển khai nhiệm vụ năm 2025 và Trao giải Cuộc thi “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Trị” năm 2024, phát động Cuộc thi “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Trị” năm 2025

02

Kiểm tra giữa kỳ nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh: Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chuỗi giá trị các sản phẩm Cao Chè Vàng, Cao Cà Gai Leo và Cà Phê tại tỉnh Quảng Trị

03

Kiểm tra giữa kỳ nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở: Nghiên cứu quy trình chế biến, sản xuất Măng rừng khô chất lượng cao bằng công nghệ sấy bơm nhiệt

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN

04

Kết quả Đề tài KH&CN cấp tỉnh: Đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022 - 2027

VĂN BẢN MỚI

05

Nghị quyết số 03/NQ-CP của Chính phủ: Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia



Đơn vị thực hiện:

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU,
CHUYÊN GIA CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI
MỚI SÁNG TẠO**

Địa chỉ: Đường Điện Biên Phủ,
Phường Đông Lương, Tp. Đông Hà,
tỉnh Quảng Trị

Điện thoại: 0233. 3857030



HỘI NGHỊ TỔNG KẾT CÔNG TÁC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2024, TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ NĂM 2025 VÀ TRAO GIẢI CUỘC THI “KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TỈNH QUẢNG TRỊ” NĂM 2024, PHÁT ĐỘNG CUỘC THI “KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TỈNH QUẢNG TRỊ” NĂM 2025

Ngày 15/01/2025, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội nghị tổng kết công tác KH&CN năm 2024, triển khai nhiệm vụ năm 2025 và Trao giải Cuộc thi “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Trị” năm 2024. Ông Lê Đức Tiến, Phó Chủ tịch UBND Tỉnh tham dự và chỉ đạo Hội nghị.



Ông Lê Đức Tiến, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị phát biểu tại Hội nghị.

Năm 2024 là năm tăng tốc, bứt phá, có tính chất quyết định để hoàn thành kế hoạch 5 năm

(2021 - 2025) theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII và Nghị quyết Đại hội

Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII. Với chủ đề Ngày khoa học và công nghệ (KH&CN) Việt Nam năm 2024 “Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - khơi dậy khát vọng, kiến tạo tương lai”, “Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - nâng cao tiềm lực và vị thế quốc gia”, ngành KH&CN đồng hành với người dân và doanh nghiệp thúc đẩy khát vọng cống hiến, xây dựng niềm tin và sự đồng thuận trong phát triển kinh tế xã hội, hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đại hội Đảng các cấp đã đề ra.

Công tác tham mưu xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh: Trong năm 2024, Ngành Khoa học và Công nghệ đã tham mưu xây dựng và triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách góp phần đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý, tổ chức, hoạt động KH,CN&ĐMST trên địa bàn tỉnh. Tiêu biểu như: Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 10/5/2024 của HĐND tỉnh về Quy định mức chi lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND ngày 10/5/2024 của HĐND tỉnh về Sửa đổi, bổ sung một số điều của

Nghị quyết 163/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh về quy định một số chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022 - 2026.

Công tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao: Ngày càng đi vào chiều sâu và gắn với thực tiễn sản xuất và đời sống. Trong năm 2024, trên địa bàn tỉnh đã triển khai thực hiện 57 nhiệm vụ KH&CN các cấp. Trong đó có: 40 nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm 2022 và năm 2023 và 17 nhiệm vụ mới phê duyệt bắt đầu thực hiện năm 2024. Về cơ cấu lĩnh vực, có 30 nhiệm vụ thuộc lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ; 19 nhiệm vụ thuộc lĩnh vực khoa học xã hội; 08 nhiệm vụ thuộc lĩnh vực khoa học nông nghiệp. Các nhiệm vụ KH&CN được cơ cấu lại, ưu tiên đầu tư cho các nhiệm vụ gắn với việc phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực của tỉnh, Chú trọng nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao, các công nghệ chủ chốt của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào các ngành, lĩnh vực.

Năm 2024, Tỉnh Quảng Trị xếp thứ 40 về chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII), tăng 15 bậc so với năm 2023. Khung chỉ số PII năm 2024 của tỉnh Quảng Trị gồm: 1. Trụ cột Thẻ chế: 47.89

điểm; 2. Trụ cột Vốn con người và nghiên cứu: 21.32 điểm; 3. Trụ cột Cơ sở hạ tầng: 50.33 điểm; 4. Trụ cột Trình độ phát triển của thị trường: 27.27 điểm; 5. Trụ cột Trình độ phát triển của Doanh nghiệp: 22.03 điểm; 6. Trụ cột Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ: 24.92 điểm; 7. Trụ cột Tác động: 37.16 điểm. Dựa trên việc công bố các bộ chỉ số PII hàng năm, các nhà hoạch định chính sách, các cấp lãnh đạo địa phương có cơ sở xác định, lựa chọn các định hướng, giải pháp phù hợp cho việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương dựa trên khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính: xây dựng Chính phủ điện tử, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Năm 2024, có 52 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở, trong đó có 37 TTHC là dịch vụ công toàn trình và 15 TTHC là dịch vụ công một phần. Sở tập trung rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTCH và được UBND tỉnh phê duyệt cắt giảm thời gian giải quyết TTHC đối với 12 thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết. Hoạt động giải quyết TTHC của Sở đạt kết quả cao thông qua hệ thống phần mềm Một cửa điện tử

đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi, giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp.

Hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: ngày càng lan tỏa và đi vào chiều sâu. Tổ chức thành công Hội thảo khoa học “Định hướng, thúc đẩy phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Trị đến năm 2025”. Tổ chức thành công Cuộc thi Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Trị năm 2024 với nhiều điểm mới: Kiện toàn Ban Tổ chức, Ban Tổ chức cuộc thi được mở rộng. Kết quả, từ 48 hồ sơ tham gia, có 12 Ý tưởng/Dự án được tôn vinh tại Cuộc thi Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2024.

Hoạt động hỗ trợ ứng dụng và nhân rộng các kết quả KH&CN: đạt được những kết quả quan trọng. Thực hiện Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND ngày 10/5/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 163/2021/NQ-HĐND, năm 2024, Sở Khoa học và Công nghệ đã hỗ trợ nhân rộng các kết quả KH&CN cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh với kinh phí 1.535 triệu đồng. Đặc biệt, thông qua Đề án “*Ứng dụng chế phẩm vi sinh vật trong sản xuất Nông nghiệp giai*

đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”, trong năm 2024 đã triển khai kế hoạch sản xuất hơn 28 tấn chế phẩm vi sinh cung ứng cho các địa phương trên địa bàn tỉnh.

Công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, chuyển đổi số được tăng cường. Đến thời điểm hiện tại, toàn tỉnh đã đăng ký bảo hộ được 02 chỉ dẫn địa lý (*Tiêu Quảng Trị và Chè Vàng Quảng Trị*), 06 nhãn hiệu chứng nhận và 59 nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm hàng hóa đặc trưng, thế mạnh của các địa phương. Sở KH&CN đang phối hợp với Viện Thổ nhưỡng Nông hoá - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn triển khai nhiệm vụ “*Đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm “Cà phê Khe Sanh” của tỉnh Quảng Trị*” thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030. Ứng dụng phần mềm quản lý hồ sơ trực tuyến Nhiệm vụ khoa học công nghệ và số hóa các Nhiệm vụ khoa học công nghệ tỉnh Quảng Trị, góp phần xây dựng hạ tầng số, phục vụ chuyển đổi số của ngành Khoa học và Công nghệ.

Công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng: ngày càng đi vào chiều sâu thông qua việc đẩy mạnh hỗ

trợ các tổ chức, doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, đáp ứng yêu cầu của thị trường và bối cảnh hội nhập. Năm 2024, Sở đã tiếp nhận và xử lý công bố hợp chuẩn 57 loại sản phẩm của 02 doanh nghiệp; Tiếp nhận và xử lý 02 hồ sơ miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa; Tiếp nhận và xử lý 06 hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu của 02 doanh nghiệp; Quản lý phương tiện đo đối với 03 đơn vị được ủy quyền.

Hoạt động công nghệ sinh học: phát triển, đẩy mạnh ứng dụng. Sở Khoa học và Công nghệ triển khai nghiên cứu, ứng dụng, tiếp nhận và hoàn thiện quy trình công nghệ, ứng dụng công nghệ tế bào để bảo tồn, lưu giữ, phát triển và sản xuất các loại cây lâm nghiệp, cây dược liệu, cây hoa có giá trị kinh tế cao. Nghiên cứu phát triển công nghệ Biofloc dựa trên nguồn vi sinh bản địa nhằm tăng tính hiệu quả và bền vững nghề nuôi tôm ở tỉnh Quảng Trị; Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ vi sinh sản xuất chế phẩm Probiotic có các chủng vi sinh vật hữu ích bổ sung thức ăn nuôi trồng thủy sản, góp phần tăng năng suất, hạn chế được dịch bệnh. Trong sinh học phân tử, đã ứng dụng kỹ thuật PCR, Realtime PCR để chẩn đoán

một số bệnh trên tôm và trên cây hồ tiêu tại Quảng Trị...

Mô hình Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: được lan tỏa, ứng dụng. Trạm Nghiên cứu, Ứng dụng KH&CN Bắc Hướng Hóa ngày càng thể hiện tính ưu việt của mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất các loại hoa, quả cao cấp, cây dược liệu quý như: lan Hồ điệp; lan Nghinh xuân, Thất diệp chi hoa, dâu tây;... Trung tâm Nghiên cứu, Chuyển giao Công nghệ và Đổi mới sáng tạo đã nghiên cứu, làm chủ hơn 70 quy trình công nghệ và chuyển giao cho người dân một số quy trình tiêu biểu như: Quy trình sản xuất Đông trùng hạ thảo; Quy trình sấy nông sản sau thu hoạch; Quy trình sản xuất các loại nấm ăn, nấm dược liệu... **Công tác ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng các kết quả KH&CN tại các sở, ngành:** được tiến hành rộng rãi. Tiêu biểu như trong ngành Nông nghiệp; ngành công nghiệp, thương mại; ngành y tế;... **Hoạt động KH&CN ở cấp huyện:** diễn ra sinh động. Nhiều huyện thị, thành phố đã bố trí ngân sách hỗ trợ các mô hình ứng dụng tiến bộ KH&CN nhằm góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Năm 2024, hoạt động KH&CN tỉnh đạt được nhiều thành tựu

trên các lĩnh vực. Tuy nhiên, so với yêu cầu thực tế cũng như đòi hỏi của nhiệm vụ trong tình hình mới, nhìn chung hoạt động khoa học công nghệ vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế nhất định.

Năm 2025, Sở KH&CN sẽ xây dựng, hoàn thiện, triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách phát triển KH&CN & ĐMST; Chiến lược phát triển KH&CN & ĐMST đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và các nhiệm vụ được giao trong Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Tập trung phát triển các công nghệ ưu tiên có khả năng ứng dụng vào thực tiễn để phát triển các sản phẩm cụ thể, phù hợp với lợi thế cạnh tranh của địa phương. Tổ chức thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả KH&CN và đề án “Ứng dụng chế phẩm vi sinh vật trong sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”.

Thúc đẩy hoạt động KH&CN & ĐMST trong doanh nghiệp và phát triển thị trường KH&CN. Hỗ trợ ươm tạo, thành lập doanh nghiệp, tổ chức KH&CN; khuyến khích thành lập quỹ phát triển KH&CN trong doanh nghiệp.

Phát biểu chỉ đạo tại hội nghị, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Đức Tiến đề nghị Sở KH&CN khẩn trương phối hợp với Sở TT&TT, các sở, ngành, địa phương tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển KH, CN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Rà soát, bố trí các nhiệm vụ KH&CN&ĐMST và chuyển đổi số. Có phương án xây dựng các chương trình, kế hoạch phát triển KH&CN&ĐMST và chuyển đổi số. Xây dựng chương

trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục; phổ cập, nâng cao kiến thức về KH&CN&ĐMST, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân. Sớm hoàn thành quy trình, thủ tục hợp nhất Sở KH&CN và Sở TT&TT theo chỉ đạo của trung ương và của tỉnh. Thu thập bộ cơ sở dữ liệu phục vụ tính toán Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) năm 2025.

Trong dịp này, Thừa ủy quyền Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị, Ông Lê Đức Tiến, Phó Chủ tịch



Ông Lê Đức Tiến, Phó Chủ tịch tỉnh đã trao danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” cho 03 tập thể

tỉnh đã trao danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” cho 03 tập thể; Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho 03 tập thể: Văn phòng Sở, Phòng Quản lý Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, Phòng Kế hoạch - Tài chính; Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh đối với 5 cá nhân; Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh đối với 07 cá nhân.

Trong khuôn khổ chương trình hội nghị, Ban Tổ chức cuộc thi tổ chức “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Trị” năm 2024 tổ chức Trao giải và phát động cuộc thi Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Trị năm 2025. Cuộc thi “Khởi nghiệp sáng tạo tỉnh Quảng

Trị năm 2024” đã tạo sự lan tỏa và chuyển biến mạnh mẽ trong hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh nhà. Qua 2 vòng thi sơ khảo và chung kết, Ban tổ chức Cuộc thi đã lựa chọn 12 ý tưởng, dự án khởi nghiệp xuất sắc để trao giải. Tại lễ trao giải, BTC đã tôn vinh 12 Ý tưởng/Dự án. Cụ thể nhóm dự án đạt giải gồm: 02 giải Nhì, 02 giải Ba và 02 giải Khuyến khích; Nhóm Ý tưởng đạt giải gồm: 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải ba và 02 giải khuyến khích; đồng thời chính thức phát động Cuộc thi “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Trị” năm 2025.



Ông Lê Đức Tiến, Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Tổ chức Cuộc thi KNĐMST tỉnh Quảng Trị và các thành viên Ban Tổ chức, Đại diện Hội Doanh nhân trẻ tỉnh Quảng Trị nhấn nút phát động cuộc thi KNĐMST năm 2025.



Ông Lê Đức Tiến, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị, Trưởng Ban tổ chức Cuộc thi trao giải nhất dành cho ý tưởng” Vision Mate - Kính hỗ trợ người khiếm thị”.
Tác giả: Nguyễn Tấn Dũng - Học sinh - Trường THPT Bùi Dục Tài, Hải Lăng.



Ông Trần Ngọc Lân, TUV, Giám đốc Sở KH&CN trao giải nhì cho Dự án “Sản xuất thành công sản phẩm “Thức ăn hỗn hợp vi sinh Tây Sơn” từ nguồn phụ phế phẩm Nông nghiệp” (Nhóm Tác giả thuộc HTX Nông nghiệp sạch Tây Sơn); giải nhì cho Dự án “Dinh dưỡng Cầu vòng Pika Pika” (Tác giả: Lê Thị Thanh Lộc. Công ty CP thực phẩm Pika Pika) và giải Nhì cho ý tưởng “Xây dựng thư viện số giáo dục hỗ trợ việc dạy và học chương trình Giáo dục phổ thông” (Tác giả: Nguyễn Thị Thắm - Giáo viên.
Đơn vị: Trường THCS Phan Đình Phùng).



Ông Đào Ngọc Hoàng, Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trao 4 giải ba cho các dự án/ý tưởng.



Ông Phan Hữu Huyện, Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo trao 4 giải khuyến khích cho các dự án/ý tưởng.



Ban Tổ chức cuộc thi KNĐMST chụp ảnh lưu niệm cùng 12 dự án/ý tưởng đạt giải năm nay.

Bài, ảnh: Hải Yến

KIỂM TRA GIỮA KỲ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH: NGHIÊN CỨU, ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO CHUỖI GIÁ TRỊ CÁC SẢN PHẨM CAO CHÈ VÀNG, CAO CÀ GAI LEO VÀ CÀ PHÊ TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ

Chiều ngày 16/01/2025, Hội đồng tư vấn do ông Nguyễn Hữu Thắng, Phó Giám đốc Sở KH&CN, Phó Chủ tịch Hội đồng chủ trì đã tiến hành kiểm tra giữa kỳ nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh “Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chuỗi giá trị các sản phẩm Cao Chè Vàng, Cao Cà Gai Leo và Cà Phê tại tỉnh Quảng Trị”. Đề tài do TS. Dương Thị Tình chủ nhiệm, Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, Đại học Thái Nguyên chủ trì.

Trước hội đồng, đơn vị thực hiện báo cáo các nội dung và sản phẩm của đề tài đã thực hiện theo

hợp đồng đến thời điểm hiện tại gồm: Điều tra, đánh giá thực trạng sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản



Ông Nguyễn Hữu Thắng, Phó Giám đốc Sở KH&CN, Phó Chủ tịch Hội đồng phát biểu tại phiên họp.

phẩm Cao Chè Vàng, Cao Cà Gai Leo và Cà Phê tại huyện Hương Hóa, Cam Lộ tỉnh Quảng Trị. Hoàn thiện 05 chuyên đề: Cơ sở lý luận và các mô hình thực tiễn về liên kết phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị cho sản phẩm nông sản; Thực trạng phát triển sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, phân tích những yếu tố ảnh hưởng, đánh giá những thành công, hạn chế, thuận lợi, khó khăn đến liên kết phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị cho sản phẩm Cao Chè Vàng tại huyện Cam Lộ; Thực trạng phát triển sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, phân tích những yếu tố ảnh hưởng, đánh giá những thành công, hạn chế,

thuận lợi, khó khăn đến liên kết phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị cho sản phẩm Cao Cà Gai Leo tại huyện Cam Lộ; Thực trạng phát triển sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, phân tích những yếu tố ảnh hưởng, đánh giá những thành công, hạn chế, thuận lợi, khó khăn đến liên kết phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị cho sản phẩm Cà Phê tại huyện Hương Hóa; Nghiên cứu, đánh giá vai trò quan trọng của hoạt động xúc tiến thương mại trong việc nâng cao giá trị kinh tế cho mô hình chuỗi giá trị sản phẩm Cao Chè Vàng, Cao Cà Gai Leo và Cà Phê tỉnh Quảng Trị. Đánh giá, lựa chọn mô hình nhằm nâng cao chuỗi giá trị

của mô hình sản phẩm Cao Chè Vàng, Cao Cà Gai Leo và Cà Phê. Đã khảo sát, lựa chọn được 03 mô hình liên kết theo chuỗi giá trị. Đang tiếp tục hoàn thiện chuyên đề: mô hình liên kết sản xuất Cao Chè Vàng huyện Cam Lộ theo chuỗi giá trị tại Công Ty TNHH Cao Dược liệu Mai Thị Thủy tại huyện Cam Lộ. Mô hình liên kết sản xuất Cao Cà Gai Leo theo chuỗi giá trị tại Công Ty TNHH Bé Xịn Thành Phố Đông Hà. Mô hình liên kết sản xuất Cà Phê huyện Hướng Hóa theo chuỗi giá trị tại Công Ty CP QUIN'S COFFEE-EWEC. Tập huấn kiến thức về chuỗi giá trị, marketing, quảng bá tiêu thụ sản phẩm.

Dự kiến công việc sẽ triển khai trong thời gian tới: đơn vị đề tài tiếp tục thực hiện theo đúng tiến độ nội dung trong Thuyết minh, triển khai các nội dung sau: Tiếp tục hoàn thiện các chuyên đề. Tư vấn các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại nhằm nâng cao giá trị cho sản phẩm. Tư vấn các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm nâng cao chuỗi giá trị nâng cao doanh thu cho các tác nhân trong chuỗi liên kết giữa DN-Người dân. Hỗ trợ kết nối tiêu thụ sản phẩm Cao Chè Vàng, Cao Cà Gai Leo, Cà Phê của tỉnh Quảng Trị tại thị trường Thái Nguyên. Hỗ trợ quảng bá, tuyên truyền về sản phẩm Cao Chè Vàng, Cao Cà Gai

Leo, Cà Phê của tỉnh Quảng Trị trên các mạng xã hội nhằm góp phần quảng bá thương hiệu của sản phẩm. Đề xuất giải pháp nâng cao chuỗi giá trị các sản phẩm Cao Chè Vàng, Cao Cà Gai Leo, Cà Phê. Tổ chức Hội thảo, dự kiến từ tháng 4-5/2025.

Tại buổi kiểm tra, Hội đồng đánh giá cao tiến độ, khối lượng kết quả đạt được của đề tài. Các nội dung công việc đề tài đã triển khai đúng tiến độ đề ra, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, đồng thời đề nghị chủ nhiệm đề tài cần bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến của các thành viên Hội đồng, tiếp tục triển khai các nội dung đúng tiến độ trong thời gian tới./.

Hải Yến



KIỂM TRA GIỮA KỶ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP CƠ SỞ: NGHIÊN CỨU QUY TRÌNH CHẾ BIẾN, SẢN XUẤT MĂNG RỪNG KHÔ CHẤT LƯỢNG CAO BẰNG CÔNG NGHỆ SẤY BƠM NHIỆT

Ngày 16/01/2025, Hội đồng tư vấn do ông Đào Ngọc Hoàng, Phó Giám đốc Sở KH&CN, Chủ tịch Hội đồng chủ trì đã tiến hành kiểm tra giữa kỳ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở “Nghiên cứu quy trình chế biến, sản xuất Măng rừng khô chất lượng cao bằng công nghệ sấy bơm nhiệt”. Đề tài do Ths.Trần Ngọc Lân làm chủ nhiệm, Trung tâm nghiên cứu, Chuyển giao công nghệ và Đổi mới sáng tạo chủ trì.



Ông Đào Ngọc Hoàng, Chủ tịch Hội đồng, chủ trì phiên họp.

Sau thời gian triển khai thực hiện, các nội dung và kết quả sản phẩm đạt được của đề tài gồm: Khảo sát thị trường và xây dựng tiêu chuẩn nguyên liệu đầu vào cho măng tươi; Nghiên cứu quy trình sơ chế nguyên liệu măng tươi; Nghiên cứu quy trình công nghệ sấy măng bằng công nghệ sấy bơm nhiệt; Đánh giá, phân tích chất lượng sản phẩm Măng sấy khô và xây dựng bộ tiêu chuẩn cơ sở cho sản phẩm măng khô (đang thực hiện 75%).

Sản phẩm của đề tài tính đến thời điểm hiện tại gồm: 01 quy trình sơ chế nguyên liệu măng tươi. 01 quy trình sơ chế khoa học, sử dụng trực tiếp cho quá trình sản xuất. 01 phiếu kết quả phân tích chỉ tiêu chất lượng sản phẩm Măng sấy khô. 01 phiếu kết quả đánh giá chất lượng của sản phẩm đáp ứng được các tiêu chí chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm. Hoàn thành 05 báo cáo về các nội dung: Khảo sát thị trường. Xây dựng tiêu chuẩn nguyên liệu đầu vào cho măng tươi. Nghiên cứu quy trình lược măng giảm hàm lượng xyanua. Nghiên cứu ảnh hưởng của nhiệt độ sấy tới thời gian sấy và chất lượng sản phẩm măng khô.

Dự kiến các công việc sẽ triển khai thực hiện trong thời gian đến như: Tiếp tục đánh giá, phân tích

chất lượng sản phẩm măng sấy khô và xây dựng bộ tiêu chuẩn cơ sở cho sản phẩm măng khô. Xây dựng bộ tiêu chuẩn cơ sở cho sản phẩm măng khô. Hoàn thiện quy trình sản xuất sản phẩm. Thiết kế, in ấn bao bì và hộp đựng cho sản phẩm. Sản xuất thử nghiệm 400kg sản phẩm măng khô. Tổ chức Hội thảo khoa học “Đánh giá hiệu quả công nghệ sấy tiên tiến để tăng thời gian bảo quản, góp phần nâng cao chất lượng và giá trị của các sản phẩm nông nghiệp”.

Tại buổi kiểm tra, Hội đồng đánh giá cao tiến độ, khối lượng kết quả đạt được của đề tài. Các nội dung công việc đề tài đã triển khai đúng tiến độ đề ra, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, đồng thời đề nghị chủ nhiệm đề tài cần bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến của các thành viên Hội đồng, tiếp tục triển khai các nội dung đúng tiến độ trong thời gian tới./.

Hải Yến



KẾT QUẢ ĐỀ TÀI KH&CN CẤP TỈNH: ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG CÁC CẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2022 - 2027

Quản lý nhà nước với công tác thi đua, khen thưởng có vị trí, vai trò quan trọng trong tổ chức thành công các phong trào thi đua yêu nước. Để từ đó có cơ sở khách quan, khoa học trong việc kịp thời khen thưởng đúng người đúng việc mới làm cho phong trào thi đua phát triển và đạt hiệu quả, chất lượng cao, trở thành động

lực thúc đẩy sự phát triển. Thực hiện tốt công tác thi đua sẽ phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của mỗi cá nhân, phát huy ý chí quyết tâm, tinh thần đoàn kết của tập thể của toàn dân trong sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng an ninh của địa phương.



Đơn vị chủ trì báo cáo trước Hội đồng nghiệm thu đề tài.

Đề tài khoa học cấp tỉnh *Đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022 - 2027* đã nghiên cứu, hệ thống hóa những thành tựu đã đạt được trong công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh Quảng Trị, để cụ thể hóa những kết quả như sau:

Trước hết, từ Tư tưởng Hồ Chí Minh - Nền tảng tư tưởng của Đảng ta và từ các văn kiện Đảng, đề tài đã phân tích chỉ ra cơ sở lý luận và sự cần thiết của việc tăng cường quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng. Đề tài này cũng chỉ ra mối quan hệ biện chứng giữa tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng. Và, cho thấy từ mục tiêu, phương hướng, thực trạng và giải pháp về quản lý nhà nước với công tác thi đua, khen thưởng đều không thể tách rời với công tác khen thưởng.

Chương 1 đã phân tích về những nội dung cơ bản trong quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng. Đó chính là kim chỉ nam, cơ sở lý luận của đề tài *Đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng*

các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022 - 2027.

Thứ hai là, Đề tài đã làm rõ thực trạng tại 6 vấn đề cơ bản quản lý nhà nước của thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị từ năm 2016 đến nay, cụ thể là:

- Công tác ban hành các văn bản pháp luật về thi đua trong giai đoạn hiện nay. Đây là cơ sở pháp lý của hoạt động quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng trong những năm qua. Công tác này quyết định sự phát triển và lan tỏa của phong trào thi đua trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của địa phương, góp phần nâng cao công tác khen thưởng của các cơ quan đơn vị, địa phương.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác thi đua trong giai đoạn hiện nay. Đây là công tác then chốt quyết định thành công cụ thể của các phong trào thi đua yêu nước và công tác khen thưởng.

- Việc tổ chức các phong trào thi đua và Công tác sơ kết,

tổng kết các phong trào thi đua, đánh giá hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng trong giai đoạn vừa qua. Đây là một công tác không thể thiếu để phát hiện, biểu dương, nhân rộng những ưu điểm của thi đua. Đồng thời khắc phục những hạn chế của công tác thi đua, khen thưởng trong thực tế.

- Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Công tác này giúp cho các phong trào thi đua và công tác khen thưởng diễn ra đúng quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước và nguyện vọng của nhân dân ta về dân chủ, công bằng, văn minh trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Từ những kết quả nghiên cứu, đề tài đã đánh giá những kết quả đạt được và hạn chế trong thực trạng quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2021, vạch ra những vấn đề cần giải quyết trong quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh những năm tiếp theo.

Thứ ba là, Từ trình bày, đánh giá đúng thực trạng quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh Quảng Trị từ năm

2016 đến 2021, đề tài đã đề xuất 7 giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng tỉnh Quảng Trị trong giai đoạn tới.

Thứ tư là, năm 2024 là năm đầu tiên triển khai Luật Thi đua, khen thưởng mới và các văn bản hướng dẫn có liên quan, vì vậy, nhiều quy định, tình huống còn vướng mắc, khó khăn trong công tác thi đua, khen thưởng. Ban Thi đua - Khen thưởng sẽ ban hành cuốn sổ tay Hỏi - đáp về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị để phục vụ cho việc nghiên cứu, chuyên môn, nghiệp vụ, đảm bảo thống nhất từ tỉnh đến các đơn vị, địa phương, doanh nghiệp. Đây được xem là cẩm nang nghiệp vụ đối với các cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn toàn tỉnh.

Trần Phương (*tổng hợp theo báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện đề tài*)



Nghị quyết số 03/NQ-CP của Chính phủ: Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Ngày 9/1, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 03/NQ-CP về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia với 7 nhiệm vụ cụ thể nhằm hiện thực hóa mục tiêu đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu. Bản tin Thông tin KH&CN số 1.2025 trân trọng giới thiệu toàn văn của Nghị quyết.

I. MỤC TIÊU

1. Tổ chức thể chế hóa và thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc

gia (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW).

2. Xác định nhiệm vụ cụ thể để các Bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch hành động, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, hiện thực hóa mục tiêu đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

Nhằm đạt được mục tiêu Nghị quyết số 57-NQ/TW đề ra, trong thời gian tới, bên cạnh các nhiệm vụ thường xuyên, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong

toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

a) Xây dựng, trình ban hành và tổ chức triển khai chương trình tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng: đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền thông qua báo chí, phát thanh, truyền hình, các nền tảng số, mạng xã hội và các phương tiện điện tử khác; cụ thể hóa nội dung tuyên truyền cho từng nhóm đối tượng người dân, doanh nghiệp, chính quyền các cấp; kế hoạch tuyên truyền phải có mục tiêu, có bộ tiêu chí đánh giá cụ thể, định kỳ đo lường và công bố kết quả.

b) Xây dựng, ban hành quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức; quy định về trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện kế hoạch hành động về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hằng năm.

c) Quy định về trách nhiệm xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch, đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong chương trình,

kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức.

d) Xây dựng và đẩy mạnh quảng bá thương hiệu quốc gia về đổi mới sáng tạo.

đ) Xây dựng nền tảng số, công cụ số để thực hiện đo lường trực tuyến mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số.

e) Định kỳ đánh giá, công bố mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước; kết quả thực hiện chuyển đổi số là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm.

g) Xây dựng kế hoạch triển khai chương trình hành động của Chính phủ với các mục tiêu được lượng hóa cụ thể; giao trách nhiệm người đứng đầu các đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá; định kỳ đo lường, công bố công khai kết quả; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả thực hiện.

h) Làm rõ định nghĩa, nội hàm, lượng hóa các khái niệm về “mức độ tự chủ về công nghệ”, “năng lực cạnh tranh số”, “doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến”, “lực lượng sản xuất hiện

đại” và các khái niệm khác trong Nghị quyết số 57-NQ/TW để thống nhất nhận thức và tổ chức triển khai, thực hiện.

i) Phấn đấu bố trí tỷ lệ cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước, hướng tới tối thiểu đạt 25%.

k) Rà soát, sửa đổi quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung theo hướng bổ sung, điều chỉnh để phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW.

l) Xây dựng, nâng cấp nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà cung cấp miễn phí kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản cho người dân, doanh nghiệp.

m) Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

n) Xây dựng chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân.

o) Phát động phong trào thi đua trong toàn quốc để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân thực hiện thành công cuộc cách mạng chuyển đổi số. Chú trọng biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức đa dạng cho các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc, dù nhỏ nhất.

p) Phát động phong trào phát minh, sáng chế, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc trong mọi cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp.

2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản

đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Rà soát, tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản về thể chế, chính sách trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao; hoàn thiện quy định pháp luật để bảo đảm hành lang pháp lý cho hoạt động của mọi ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

b) Xây dựng, ban hành cơ chế đặc thù về đầu tư, đầu tư công, mua sắm công các sản phẩm là kết quả của nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản phẩm, dịch vụ số để đẩy nhanh chuyển đổi số quốc gia.

c) Xây dựng, ban hành quy định cải cách về cơ chế tài chính trong thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đơn giản hóa tối đa hồ sơ, thủ tục quản lý sử dụng và thanh quyết toán đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển đổi số, giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; Có chính sách bảo hộ sở hữu trí tuệ gắn với cơ chế chia sẻ lợi ích từ kết quả nghiên cứu, ứng dụng.

d) Xây dựng, công bố mức độ đánh giá hiệu quả tổng thể của doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhà nước để thúc đẩy đổi mới sáng tạo và đổi mới doanh nghiệp.

đ) Sửa đổi quy định pháp luật để tháo gỡ điểm nghẽn trong hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo. Sửa đổi Luật Khoa học và Công nghệ (2013) và các luật có liên quan trong dự án xây dựng Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo để: (i) Tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, tạo hành lang pháp lý thuận lợi thúc đẩy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; (ii) Đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý nhà nước; (iii) Tập trung nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước, thu hút đầu tư ngoài ngân sách cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

e) Xây dựng quy định về việc thành lập và sử dụng các quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số.

g) Bổ sung các chính sách tháo gỡ điểm nghẽn và hoàn thiện Luật Công nghiệp công nghệ số trình Quốc hội ban hành:

- Thí điểm có sự giám sát của nhà nước; cơ chế miễn trừ trách nhiệm trong việc thử nghiệm công nghệ số mới, mô hình kinh doanh mới ứng dụng công nghệ số; cơ chế ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế trong nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng, phát triển công nghệ số chiến lược, công nghiệp công nghệ số, công nghiệp dữ liệu lớn, công nghiệp an toàn, an ninh mạng, công nghiệp Internet vạn vật (IoT).

- Rà soát, sửa đổi các quy định của pháp luật tạo điều kiện tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho việc đầu tư triển khai tuyến cáp quang biển quốc tế trong đó các doanh nghiệp Việt Nam là một thành viên hoặc làm chủ.

- Rà soát các quy định Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư để sửa đổi, bổ sung kịp thời đảm bảo có các quy định thuận lợi về thủ tục đấu thầu lựa chọn đối tác, lựa chọn doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển công nghệ mới, công nghệ chiến lược, dịch vụ số và hạ tầng số với các cơ chế ưu đãi vượt trội trong đảm bảo đầu tư, phương án chia sẻ doanh thu, lợi nhuận, chia sẻ rủi ro trong quá trình đầu tư và trong hợp đồng đối tác công tư.

h) Xây dựng Đề án cơ chế thí điểm để doanh nghiệp thử

nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới có sự giám sát của Nhà nước, hoàn thiện chính sách miễn trừ trách nhiệm đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan.

i) Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương để đảm bảo thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

k) Nghiên cứu phương án giao Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý trực tiếp các cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực.

l) Sửa đổi các quy định về sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam theo hướng phân cấp, giao quyền tự chủ cho các tổ chức khoa học công nghệ, cơ sở giáo dục đại học công lập.

m) Sửa đổi các quy định về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ theo hướng giảm tỉ lệ vay lại xuống mức thấp nhất, không yêu cầu bảo đảm tiền vay đối với các

tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục đại học công lập tự chủ tài chính.

n) Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi và đơn giản hóa thủ tục hành chính về đầu tư trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để thu hút, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư.

o) Xây dựng, công bố danh mục các lĩnh vực, công nghệ chiến lược, các dự án trọng điểm, các khu vực có tiềm năng để thu hút, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

a) Ban hành Chương trình phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược; Xây dựng cơ sở pháp lý và đề án để hình thành Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp chiến lược; Xây dựng cơ chế thử nghiệm chính sách nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ chiến lược; Xây dựng cơ chế, chính sách hợp tác công tư để nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược; Xây dựng đề án phát triển hạ tầng năng lượng, nhất là năng lượng

mới, năng lượng sạch và bảo đảm an ninh năng lượng cho phát triển khoa học, công nghệ, các ngành công nghiệp chiến lược; Xây dựng đề án phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, tập trung cho công nghệ chiến lược; Xây dựng đề án đầu tư năng lực cho các tổ chức nghiên cứu phát triển công lập; Rà soát, tổ chức quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản của đất nước, nhất là đất hiếm để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

b) Phát triển mạng lưới kết nối các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, tập trung vào các công nghệ chiến lược và chuyển đổi số. Thực hiện các chương trình, dự án thúc đẩy các lĩnh vực công nghệ, đổi mới sáng tạo trọng tâm của Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia. Phấn đấu đến năm 2030, có ít nhất 05 dự án, chương trình trong lĩnh vực bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghệ số, nhà máy thông minh, đô thị thông minh... được triển khai.

c) Xây dựng chính sách ưu đãi về thuế đối với các hoạt động đầu tư, mua, thuê các sản phẩm, dịch vụ số.

d) Xây dựng, ban hành danh mục và triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng

chung của ngành, lĩnh vực, vùng bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

đ) Xây dựng cơ chế cho phép sử dụng ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng nền tảng số có quy mô quốc gia, vùng và được sử dụng chung cho nhiều cơ quan, tổ chức.

e) Xây dựng, triển khai Chương trình phát triển kinh tế số, xã hội số với các mục tiêu được lượng hóa cụ thể; giao trách nhiệm người đứng đầu các đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá; định kỳ đo lường, công bố công khai kết quả; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả phát triển kinh tế số, xã hội số.

g) Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ; Công bố danh mục các chương trình, nhiệm vụ, dự án về hợp tác công tư trong phát triển các hạ tầng số mới cần thiết cho chuyển đổi số.

h) Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu

qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo phủ sóng toàn quốc.

i) Thí điểm triển khai bản sao số cho một số thành phố trực thuộc Trung ương.

k) Phát triển hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ cho chuyển đổi số, trọng tâm là các nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số.

l) Xây dựng ngành công nghiệp Internet vạn vật (IoT) và một số khu công nghiệp chuyên biệt phát triển IoT; Chuyển đổi số các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng tăng cường ứng dụng Internet vạn vật (IoT) để trở thành khu công nghiệp, cụm công nghiệp thông minh; Thúc đẩy, phát triển một số ngành, lĩnh vực ứng dụng công nghiệp Internet vạn vật (IoT) như sản xuất, thương mại, năng lượng, nông nghiệp, giao thông, y tế,...; Chuyển đổi số các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng tăng cường ứng dụng Internet vạn vật (IoT) để trở thành khu công nghiệp, cụm công nghiệp thông minh.

m) Rà soát, bổ sung quy định công nghệ Trung tâm dữ liệu là một loại hình công nghệ cao; rà

soát, bổ sung các quy hoạch về điện đảm bảo có nguồn điện xanh - sạch, đảm bảo dự phòng cao để thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển Trung tâm dữ liệu.

n) Rà soát các ưu đãi để thu hút doanh nghiệp, nhà đầu tư nước ngoài đặt Trung tâm dữ liệu tại Việt Nam.

o) Sớm hoàn thành và phát huy hiệu quả Trung tâm dữ liệu quốc gia.

p) Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng, hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương để phát triển kinh tế - xã hội; kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu để người dân, doanh nghiệp khai thác, tạo giá trị mới, đổi mới sáng tạo.

q) Ban hành và thực thi đầy đủ các chiến lược, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu trong các ngành, lĩnh vực.

r) Hoàn thiện hành lang pháp lý đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong các giải pháp phát triển các ứng dụng công nghệ số trong ngành, lĩnh vực, địa phương, gắn với công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực bảo đảm theo hướng đi tắt, đón đầu.

s) Xây dựng Đề án ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với một số ngành, lĩnh vực quan trọng.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

a) Tập trung nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; các chương trình, đề án phát triển nguồn nhân lực đã được phê duyệt, tập trung vào nhân lực công nghiệp bán dẫn, nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược.

b) Thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng cường giáo dục và hướng nghiệp STEM, thu hút học sinh giỏi theo học các ngành STEM; xây dựng và triển khai các chính sách phát hiện và bồi dưỡng tài năng STEM từ sớm, quy hoạch và đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống trường chuyên, trường năng khiếu về khoa học tự nhiên.

c) Rà soát, sửa đổi, bổ sung Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu

cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030, đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh mới.

d) Rà soát, sửa đổi quy định về tiêu chuẩn, quy trình công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, tăng quyền chủ động cho các cơ sở giáo dục đại học và tạo thuận lợi cho thu hút, tuyển dụng giảng viên xuất sắc gắn với bổ nhiệm giáo sư, phó giáo sư.

đ) Rà soát, sửa đổi các quy định về chính sách cấp học bổng, miễn giảm học phí cho sinh viên, học viên các ngành STEM phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, những người tham gia các chương trình đào tạo kỹ sư an ninh mạng, vật liệu tiên tiến từ nguồn ngân sách nhà nước.

e) Triển khai các chương trình đào tạo kỹ sư, thạc sĩ và tiến sĩ tài năng trong các ngành khoa học cơ bản, các ngành kỹ thuật và công nghệ then chốt phục vụ phát triển công nghệ chiến lược; các chương trình đào tạo, đào tạo lại đội ngũ kỹ thuật viên, đào tạo nghề chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao. Tập trung đầu tư xây dựng một số cơ sở giáo dục đại học, trung tâm đào tạo tiên tiến chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo và các lĩnh vực công nghệ chiến lược khác.

g) Đổi mới chương trình đào tạo, đa dạng hóa phương thức tổ chức đào tạo các ngành STEM; xây dựng nền tảng giáo dục, đào tạo trực tuyến theo tiêu chuẩn quốc tế, phát triển mô hình giáo dục đại học số kết hợp ứng dụng các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo, không gian ảo.

h) Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định về tín dụng ưu đãi đối với người học theo hướng mở rộng đối tượng và điều kiện vay, giảm lãi suất, tăng mức vay và thời hạn trả nợ, có ưu đãi đặc biệt đối với các ngành STEM.

i) Rà soát, sửa đổi quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng loại bỏ đối tượng áp dụng là các cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục đại học tư thục không vì lợi nhuận; sửa đổi các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công theo hướng giao quyền tự chủ cao cho các cơ sở giáo dục đại học công lập.

k) Rà soát, sửa đổi các quy định về ưu đãi thuế và tín dụng cho các hoạt động đầu tư, tài trợ, hợp tác đào tạo và nghiên cứu của doanh nghiệp với các cơ sở giáo dục đại học, tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

l) Nghiên cứu, ban hành quy định áp dụng mức ưu đãi cao nhất cho các cơ sở giáo dục đại học

công lập về tỉ lệ vay lại các dự án ODA và các dự án vốn vay ưu đãi khác hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho các lĩnh vực công nghệ chiến lược.

m) Đề xuất sửa đổi, bổ sung các chính sách ưu đãi về thuế, cơ chế tài chính để khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo nguồn nhân lực công nghệ số, tạo hành lang pháp lý rõ ràng cho các mô hình hợp tác công tư (PPP) trong đào tạo nhân lực công nghệ số, xây dựng quy chế phối hợp giữa các bên (Nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu).

n) Xây dựng, ban hành cơ chế đặc biệt về nhập quốc tịch, sở hữu nhà, đất, thu nhập, môi trường làm việc nhằm thu hút, trọng dụng, giữ chân các nhà khoa học đầu ngành, các chuyên gia, các “tổng công trình sư” trong và ngoài nước có khả năng tổ chức, điều hành, chỉ huy, triển khai các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển công nghệ trí tuệ nhân tạo và đào tạo nguồn nhân lực.

o) Phát triển mạng lưới giảng viên, nhà khoa học và chuyên gia là người Việt Nam ở nước ngoài, kết nối với mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học quốc tế theo các lĩnh vực khoa học cơ bản, kỹ thuật then

chốt và công nghệ chiến lược.

p) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế xác định nhu cầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt và công nghệ chiến lược đáp ứng nhu cầu nhân lực thuộc phạm vi quản lý theo ngành, lĩnh vực, địa phương.

q) Rà soát, xây dựng chính sách thu hút, tuyển dụng và đãi ngộ nhân lực chuyển đổi số, lực lượng chuyên trách bảo đảm an toàn, an ninh mạng làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp theo đặc thù lĩnh vực, vùng, miền.

r) Rà soát, xây dựng chính sách thu hút, tuyển dụng và đãi ngộ nhân lực chuyển đổi số, lực lượng chuyên trách bảo đảm an toàn, an ninh mạng làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp theo đặc thù lĩnh vực, vùng, miền.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

a) Xây dựng, triển khai Chương trình phát triển Chính phủ số với các mục tiêu được lượng hóa cụ thể; giao trách nhiệm người đứng đầu các đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá; định kỳ đo lường, công bố công khai kết quả; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả phát triển Chính phủ số.

b) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ để xây dựng các cơ sở khoa học nhằm trợ giúp việc ra quyết định trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước.

c) Phối hợp với các cơ quan Đảng, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao để đảm bảo liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước trong hoạt động chuyển đổi số của cả hệ thống chính trị.

d) Xây dựng mô hình Trung tâm giám sát điều hành thông minh nhằm tăng cường quản lý công, nâng cao hiệu lực quản trị, hiệu quả điều hành của các cấp chính quyền; thực hiện chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước trực tuyến, dựa trên dữ liệu; nâng cao tương tác giữa chính quyền và người dân giúp giảm quan liêu của bộ máy nhà nước; giám sát trực tuyến và toàn diện, kịp thời cảnh báo, phát hiện sớm để phòng

chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

đ) Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính.

e) Chính quyền các cấp sẵn sàng hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP).

g) Phát triển và làm chủ công nghệ các nền tảng số trong nước đảm bảo an toàn, nhiều tiện ích cho người dân; phổ cập nhanh các dịch vụ số thiết yếu cho người dân.

h) Xây dựng kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số, hình thành công dân số.

i) Triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số.

k) Xây dựng văn hóa số cộng đồng, đồng thời giữ gìn bản sắc dân tộc, thuần phong mỹ tục của người Việt Nam trên môi trường số; xây dựng bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng.

l) Đẩy mạnh chuyển đổi số

trong lĩnh vực văn hóa để phát triển công nghiệp văn hoá. Xây dựng và phát triển các sản phẩm văn hóa số chất lượng cao; khuyến khích, thu hút đông đảo cộng đồng tham gia sáng tạo, sản xuất các sản phẩm văn hóa số tích cực, lành mạnh và hướng thiện trên môi trường số. Thúc đẩy xây dựng các cơ sở dữ liệu về văn hoá, các di sản văn hóa số. Huy động, khuyến khích và xây dựng cơ chế đãi ngộ động viên đội ngũ tri thức, thanh niên là lực lượng tiên phong xây dựng văn hóa số.

m) Triển khai các biện pháp quyết liệt, xử lý kịp thời các hiện tượng văn hóa số không lành mạnh, ảnh hưởng tới giá trị chung của xã hội, giảm thiểu các tác động tiêu cực mà công nghệ số mang lại tới môi trường, xã hội và người dân, đặc biệt là trẻ em, thanh thiếu niên và các đối tượng dễ bị tổn thương trên không gian mạng.

n) Xây dựng nền tảng số nhằm giám sát và thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường; hệ thống thông tin địa lý; hệ thống giao thông thông minh.

o) Phát triển các ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường, hỗ trợ phân tích, cảnh báo về nguy cơ quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội.

p) Tăng cường giám sát ở quy mô quốc gia trên không gian mạng để kịp thời phát hiện, cảnh báo sớm các nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân. Đầu tư, nâng cấp Trung tâm an ninh mạng quốc gia thuộc Bộ Công an đảm bảo việc kết nối, giám sát trên diện rộng tại hệ thống thông tin trọng yếu, quan trọng về an ninh quốc gia của các ban, bộ, ngành, địa phương, cơ quan, doanh nghiệp.

q) Hình thành và phát triển nền công nghiệp an toàn, an ninh mạng theo hướng tự chủ thông qua việc phát triển các sản phẩm dịch vụ an toàn thông tin mạng, an ninh mạng trọng điểm và hình thành các doanh nghiệp lớn có tiềm lực đóng vai trò dẫn dắt thị trường và vươn ra thế giới.

r) Phát triển các hệ thống kỹ thuật quốc gia có năng lực giám sát các nội dung vi phạm pháp luật trên không gian mạng để chủ động phát hiện, ngăn chặn một cách kịp thời, hiệu quả

s) Phát hiện, đấu tranh ngăn chặn sớm hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng.

t) Số hóa, thông minh hóa,

hiện đại hóa vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự, an ninh; làm chủ vũ khí công nghệ cao dựa trên công nghệ số; tăng cường ứng dụng công nghệ số, công nghệ quốc phòng mới trong các hệ thống chỉ huy, điều hành, quản lý lực lượng vũ trang; bảo đảm vũ khí, trang bị kỹ thuật theo hướng tự động hóa, góp phần thực hiện chính quy hóa, hiện đại hóa quốc phòng, an ninh; chủ động phòng ngừa từ sớm, từ xa chiến tranh mạng và chiến tranh điện tử; xây dựng, phát huy sức mạnh thế trận chiến tranh nhân dân, thế trận lòng dân trên không gian mạng để bảo vệ Tổ quốc.

u) Xây dựng, triển khai các cơ chế, biện pháp, nền tảng số để ngăn chặn, đấu tranh hiệu quả đối với tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, tội phạm lợi dụng không gian mạng. Chú trọng xây dựng, củng cố các lực lượng nòng cốt về an toàn, an ninh mạng.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

a) Rà soát, xây dựng chính sách ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng

cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp.

b) Tổ chức thực hiện các giải pháp để thúc đẩy việc chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thông qua doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); Xây dựng các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ trong nước đầu tư ra nước ngoài.

c) Xây dựng quy định về lập các cơ sở nghiên cứu chính sách về công nghệ số, chuyển đổi số tại các doanh nghiệp để nghiên cứu, ứng dụng, hợp tác chuyển giao những thành tựu công nghệ số hiện đại từ nước ngoài vào trong nước; Lập các cơ sở nghiên cứu chính sách về công nghệ số và chuyển giao những thành tựu công nghệ số hiện đại từ nước ngoài vào trong nước.

d) Cập nhật, hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và triển khai các chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi số.

đ) Xây dựng Đề án hình thành các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trong nước để phát triển hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược, an toàn an ninh mạng. Xây

dựng bộ tiêu chí đánh giá doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn. Xây dựng nền tảng số để đo lường trực tuyến và định kỳ đánh giá, công bố kết quả.

e) Xây dựng cơ chế giao nhiệm vụ, thuê khoán cho một số doanh nghiệp làm chủ công nghệ chiến lược, đi đôi với nhiệm vụ triển khai phát triển hạ tầng số, các dự án chuyển đổi số quốc gia để hình thành các doanh nghiệp công nghệ số lớn, đủ năng lực cạnh tranh quốc tế.

g) Công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của đất nước để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết.

h) Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ số, tổ chức, cá nhân có năng lực, thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số; chính sách hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số khai thác tốt thị trường chuyển đổi số trong nước vươn ra toàn cầu; thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

i) Xây dựng cơ chế thu hút doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Việt Nam theo nguyên tắc: sản xuất, kinh doanh

trong lĩnh vực Việt Nam đang ưu tiên; có phát triển công nghiệp phụ trợ tại Việt Nam; có đầu tư Trung tâm nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam với tỷ lệ 1% - 3% doanh thu.

k) Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số khai thác tốt thị trường chuyển đổi số trong nước, làm cơ sở vươn ra toàn cầu.

l) Xây dựng chính sách đủ mạnh khuyến khích tinh thần khởi nghiệp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, cùng với chính sách hỗ trợ khởi nghiệp và thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước khởi nghiệp tại Việt Nam.

m) Triển khai một số khu công nghiệp công nghệ số/khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung theo Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

n) Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư chuyển đổi số quốc gia. Xây dựng công cụ đánh giá trực tuyến và định kỳ tổ chức đánh giá, công bố kết quả.

o) Rà soát, xây dựng các chính sách đặc thù để thu hút doanh nghiệp công nghệ số đầu tư tại các khu công nghiệp công nghệ số.

p) Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.

q) Khẩn trương xây dựng, ban hành chương trình đẩy mạnh sản xuất thông minh, chuyển đổi số trong các lĩnh vực trọng điểm như nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, xây dựng, logistics, du lịch,...

7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế đa phương, song phương với các quốc gia, vùng lãnh thổ, các tập đoàn đa quốc gia có trình độ khoa học, công nghệ, chuyển đổi số phát triển, các tổ chức quốc tế, các viện nghiên cứu hàng đầu thế giới về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Học tập kinh nghiệm quốc tế, kịp thời ứng dụng các thành tựu, kinh nghiệm quốc tế phù hợp với thực tiễn và điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội Việt Nam; Đẩy mạnh ngoại giao công nghệ, thu hút các nguồn lực bên ngoài, góp phần đảm bảo

an ninh kinh tế, nâng cao tự chủ về công nghệ.

b) Tích cực, chủ động tham gia định hình các khuôn khổ, quy tắc, quản trị về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các cơ chế hợp tác đa phương; nghiên cứu khả năng tham gia các cơ chế, sáng kiến hợp tác mới về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

c) Xây dựng Đề án Việt Nam chủ động tham gia vào các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế. Có cơ chế xây dựng đội ngũ chuyên gia tham gia vào các vị trí lãnh đạo các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, tham gia các Ban kỹ thuật tiêu chuẩn của một số lĩnh vực liên quan đến phát triển công nghệ chiến lược.

d) Tích cực tham gia, cử các nhà khoa học tham gia vào các tổ chức khoa học và công nghệ quốc tế trên thế giới, đặc biệt là các tổ chức khoa học và công nghệ của Liên hợp quốc.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Chương trình hành động của Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành

phố trực thuộc Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chương trình hành động của Chính phủ trong tháng 01 năm 2025.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm rà soát các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Chương trình hành động của Chính phủ đã ban hành, còn hiệu lực thực hiện có liên quan đến phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để điều chỉnh, đồng bộ thống nhất với chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết này, hoàn thành trong năm 2025.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung chỉ đạo thực hiện nội dung nhiệm vụ, giải pháp cụ thể; bảo đảm an ninh, trật tự và tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ, định kỳ 6 tháng báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông trước ngày 15 tháng 6 và trước ngày 01

tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động, kịp thời báo cáo và kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Chương trình hành động; bám sát các nội dung liên quan trong chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội và Ủy ban thường vụ Quốc hội để thực hiện việc báo cáo theo quy định.

5. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện hàng năm theo Nghị quyết số 57-NQ/TW.

6. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Chương trình hành động của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương chủ động đề xuất gửi Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp và báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định./.

